TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 957/2024/HS-PT
Ngày: 10/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Nguyễn Thế Lệ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 792/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị L và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

1. Nguyễn Thị L, sinh ngày 15/4/1994 tại huyện T, Thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Xóm B, thôn V, xã V, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D; có chồng Tạ Quốc T (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt bị cáo tù chung thân về tội Mua bán trái phép chất ma túy (hiện đang chấp hành án) chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2022 trong một vụ án khác, hiện đang chấp hành án tù chung thân tại Trại giam Phú Sơn, Bộ Công an. Có mặt.

2. Nguyễn Đ1, sinh ngày 02/7/1994 tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi

phạm hành chính số 1103/QĐ-XPHC ngày 07/4/2023 của Công an tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 7.500.000 đồng về hành vi mua trái phép trang phục, cấp hiệu, phù hiệu, số hiệu Công an nhân dân (đã chấp hành vào ngày 04/5/2023); tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HSST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2023 trong một vụ án khác, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Phong, Bộ Công an. Có mặt.

3. Trần Phan N, sinh ngày 31/10/1988 tại Thành phố Hà Nội, nơi đăng ký thường trú: Khu gia đình trường S1, thôn Đ, xã C, thị xã S, Thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Nhà số B, Chung cư U, số B Q, phường Q, quận H, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Phòng A, tòa B, Chung cư S, số A đường C, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu T1 và bà Phan Thị Vĩnh S; có vợ: Nguyễn Thị T2 và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/4/2023 đến ngày 13/7/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lĩnh đến nay. Có mặt.

**** Bị hại:*** Anh Nguyễn Đ1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 2001; địa chỉ: Xóm B, thôn V, xã V, huyện T, Thành phố Hà Nội.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L:* Bà Phạm Thị T3, Luật sư Văn phòng L3, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đ1:* Ông Trương Đức H1, Luật sư Văn phòng L4, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

* ***Người bào chữa cho bị cáo Trần Phan N do bị cáo mời:*** Luật sư Nguyễn Tài H2, Văn phòng L5 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số nhà A, ngõ I đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 00 phút ngày 04/5/2022, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Phòng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại khu vực đường H thuộc khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn phát hiện một người đàn ông điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX màu đen đỏ, biển kiểm soát 98K5-3345, tại giá xe mô tô có 01 (một) hộp bìa cát tông, có biểu hiện nghi vấn vi phạm pháp luật. Tổ công tác đã tiến hành giám sát và đuổi theo xe mô tô trên phát hiện người đàn ông điều khiển xe

mô tô trên đến số nhà A, ngõ G, đường H, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Người đàn ông đã giao hộp bìa cát tông cho Nguyễn Doanh T4, sinh năm 1992, trú tại khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tổ công tác đã tiến hành yêu cầu các đối tượng mở hộp bìa cát tông để kiểm tra. Quá trình kiểm tra phát hiện bên trong hộp bìa cát tông có:

- 24 (hai mươi bốn) túi nilon màu xanh và 06 (sáu) túi nilon màu hồng, mỗi túi đều chứa 200 viên nén màu đỏ, xanh nghi là chất ma tuý, ngoài ra Nguyễn Doanh T4, đã tự nguyện giao nộp 10 (mười) viên nén màu đỏ và 03 (ba) viên nén màu xanh nghi là chất ma túy.

Người đàn ông giao hộp bìa cát tông cho T4 khai nhận họ tên là Nguyễn Văn L1, sinh năm 1982, trú tại khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nguyễn Văn L1 còn khai nhận làm nghề xe ôm, được thuê mang đồ đến số nhà A, ngõ G, đường H, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. La trình bày chỉ là xe ôm giao hàng thuê, không biết bên trong hộp bìa cát tông có gì. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Doanh T4, thu giữ và niêm phong vật chứng theo quy định.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Nguyễn Doanh T4 phát hiện, thu giữ:

- 01 (một) túi nilon màu trắng có kẹp dính một đầu, kích thước 25cm x 30cm bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy;

- 04 (bốn) túi nilon màu trắng có kẹp dính một đầu, kích thước 5cm x 3cm bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy;

- 01 (một) lọ nhựa hình trụ tròn có đường kính 4cm, cao khoảng 8cm, nắp màu trắng, có dán nhãn in dòng chữ "Rose Fresh", bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy;

- 01 (một) cân tiểu ly màu trắng;

- 01 (một) thẻ căn cước công dân số 020092001257 mang tên Nguyễn Doanh T4;

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma tuý bằng thuỷ tinh, có hình đầu lâu, cũ đã qua sử dụng;

- 100 (một trăm) túi nilon màu trắng có kẹp dính một đầu, kích thước khoảng 1cm x 1cm;

- 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) tiền Việt Nam.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã trưng cầu giám định số tang vật đã thu giữ của Nguyễn Doanh T4. Tại bản kết luận giám định số 154/KL-KTHS, ngày 10/5/2022 của Phòng C1 Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

"- Các viên nén màu đỏ, màu xanh gửi giám định đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 545,106 gam (đã trừ bì);

- 10 (mười) viên nén màu đỏ và 03 (ba) viên nén màu xanh, gửi giám định đều là chất ma tuý Methamphetamine, có tổng khối lượng 1,118 gam (đã trừ bì);

- Các chất tinh thể màu trắng gửi giám định đều là chất ma tuý Methamphetamine, có tổng khối lượng 190,489 gam (đã trừ bì);

Tại bản kết luận giám định số 213/KL-KTHS, ngày 13/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *"Số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) gửi giám định đều là tiền thật"*.

Căn cứ vào kết quả giám định và tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 06/5/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Doanh T4 và mở rộng điều tra đối với các đối tượng liên quan. Quá trình điều tra đã làm rõ như sau:

1. Hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Doanh T4, Nguyễn Đ1, Nguyễn Thị L.

Năm 2016, Nguyễn Thị L gặp, quen biết Nguyễn Đ1, từ khi quen biết thỉnh thoảng L, Đ1 vẫn liên lạc và đi chơi với nhau, đồng thời L biết Đ1 sử dụng nick Zalo có tên là "Hoài Niệm" để liên lạc. Đến khoảng tháng 7/2022, L và Đ1 có mối quan hệ tình cảm với nhau, thỉnh thoảng gặp và sinh sống cùng nhau tại Xóm B, thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

Khoảng tháng 4 đến tháng 6/2021, trong một lần đi quán Bar S2 tại thành phố B, L gặp gỡ, quen biết một người đàn ông tên là A K, sinh năm 1986, người quốc tịch nước Lào, sau đó L và A K có mối quan hệ tình cảm, thường xuyên gặp nhau tại thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình quen biết, L phát hiện A K hoạt động mua bán ma tuý số lượng lớn, A K vận chuyển ma tuý từ nước Lào về Việt Nam, sau đó vận chuyển đến tỉnh Bắc Ninh để tiêu thụ. Sau đó, A K tiếp tục tìm các đầu mối tiêu thụ ma tuý khác tại Việt Nam, đồng thời cũng bảo L tìm mối tiêu thụ ma tuý, bản thân L cũng phát hiện Nguyễn Đ1 làm cho A K và chịu trách nhiệm là người tìm đầu mối tại Lạng Sơn để tiêu thụ ma tuý cho A K. Khi có khách mua ma tuý báo số lượng và loại ma tuý cần lấy cho Đ1 thì Đ1 sẽ thông tin cho L để L báo số lượng cho A K, sau đó Đ1 và A K cho người đóng gói ma tuý gửi đi cho khách.

Vào khoảng cuối năm 2021, Trần Đức Q1, sinh năm 1996, trú tại: xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn có đưa Nguyễn Đ1 đến nhà Nguyễn Doanh T4 chơi. Tại đây, T4 đặt vấn đề mua ma tuý "đá, ngựa" về sử dụng, sau đó Q1 đã đưa tiền cho T4 để T4 ra thị trấn Đ mua với một người đàn ông không biết tên 02 viên ma túy "ngựa" và 200.000 đồng ma tuý "đá" về nhà T4 sử dụng, mua được ma túy Q1 và T4 cùng nhau sử dụng, còn Đ1 ngồi chơi. Đ1 và T4 đã cho nhau số điện thoại để liên lạc nhưng do biết Đ1 sử dụng sim rác nên T4 không lưu số của Đ1, sau đó Đ1 và T4 kết bạn qua mạng xã hội Zalo với nhau, nick Zalo của Đ1 có tên là "Hoài Niệm", từ đó Đ1 và T4 liên lạc với nhau qua mạng Zalo. Sau đó, qua nói

chuyện với nhau Đ1 với T4 thống nhất Đ1 sẽ cung cấp ma túy cho T4 để T4 bán tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Khoảng đầu tháng 12/2021, T4 và Đ1 thoả thuận thống nhất Đ1 sẽ bán ma túy cho T4 với giá 4.000.000 đồng/01 đàn ma tuý "ngựa", mỗi đàn là 200 viên, giá 200.000.000 đồng/01 kg ma tuý "đá". Khi T4 đặt số lượng và loại ma tuý cần mua thì Đ1 sẽ đóng gói gửi bằng xe khách từ Bắc Ninh lên Đồng Đăng cho T4, đồng thời thoả thuận T4 mang ma tuý về bán hết thì sẽ thanh toán tiền cho Đ1. Các lần mua bán ma tuý cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 12/2021, T4 đặt mua với Đ1 10 "đàn" ma tuý "ngựa" (2000 viên) với giá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), Đ1 đồng ý, sau đó, Đ1 đóng ma tuý vào một hộp rồi gửi xe khách lên thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho T4, sau khi nhận được ma tuý T4 mang về nhà cất giấu để sử dụng cho bản thân và chia lẻ để bán kiếm lời, một thời gian sau T4 bán hết số ma tuý trên, Đ1 gửi số tài khoản ngân hàng T7 của Nguyễn Thị L số 19034635932018 cho T4 để T4 thanh toán tiền mua ma tuý. Sau đó, T4 đã chuyển tiền thành nhiều lần cho Đ1 qua tài khoản số 19034635932018 của L và đã trả hết số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Lần thứ hai: Vào khoảng giữa tháng 12/2021, với phương thức thủ đoạn tương tự như lần thứ nhất, T4 đã đặt mua với Đ1 10 đàn ma tuý "ngựa" (2000 viên) giá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Sau khi nhận được ma tuý T4 đã bán hết và đã trả đủ tiền cho Đ1 qua tài khoản ngân hàng số 19034635932018 của L.

Lần thứ ba: Vào khoảng tháng 01/2022, với cách thức tương tự như những lần trước, T4 đặt mua với Đ1 30 đàn ma tuý "ngựa" (6000 viên) giá 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi nhận được ma tuý T4 bán hết và đã trả đủ tiền cho Đ1 qua tài khoản ngân hàng số 19034635932018 của L.

Lần thứ tư: Vào khoảng tháng 4/2022, bằng cách thức tương tự, T4 đặt mua với Đ1 30 "đàn" ma tuý "ngựa" (6000 viên) giá 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) và 01 kg ma tuý "đá" với giá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), sau khi Đ1 gửi ma tuý lên Đồng Đăng cho T4 thì L có gọi điện thoại cho T4 thông báo đã gửi ma tuý lên Đồng Đăng. Sau khi nhận được ma tuý T4 bán cho khách mua nhưng chưa bán hết, còn lại 13 viên ma túy "ngựa" cất trong tủ và một số ma túy "đá" đang cất trong nhà, T4 trả tiền số ma tuý đã bán được cho Đ1 qua tài khoản ngân hàng số 19034635932018 của L cho Đ1.

Lần thứ năm: Ngày 01/5/2022, T4 liên lạc với Đ1 qua mạng Zalo đặt mua với Đ1 30 "đàn" ma tuý "ngựa" (6000 viên) giá với 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), Đ1 đồng ý và nói sẽ gửi ma tuý lên cho T4 sớm nhất. Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 04/5/2023, Đ1 gửi số điện thoại của nhà xe cho T4 và bảo T4 chủ động liên lạc với nhà xe để lấy ma tuý do Đ1 gửi lên. Sau đó, T4 gọi điện

thoại cho bạn gái là Hoàng Như D1 nhờ gọi xe ôm để đi nhận hàng về cho T4, D1 đồng ý và gửi số điện thoại của T4 cho lái xe ôm tự liên lạc với T4, sau khi liên lạc với xe ôm, T4 đã gửi số điện thoại nhà xe cho người lái xe ôm để đi nhận hàng. Trong thời gian đợi người xe ôm đi lấy hàng thì Nguyễn Thị L gọi điện thoại cho T4 thông báo ma tuý đã gửi lên Đồng Đăng và hỏi T4 "nhận được chưa" thì T4 nói "đang đợi để lấy hàng". Khoảng một lúc sau, T4 đi ra cửa nhà để nhận ma túy của Đ1 gửi lên với người lái xe ôm là Nguyễn Văn L1, khi T4 vừa nhận được thùng cát tông đựng ma túy trước cửa nhà thì bị lực lượng Công an bắt giữ, quá trình kiểm tra phát hiện trong thùng hàng có 04 quả thanh long và 30 túi nilon, mỗi túi đựng 200 viên ma tuý "ngựa", tổng cộng 30 túi là 6000 viên. Sau đó, T4 tự nguyện giao nộp 13 viên ma túy "ngựa", số ma tuý này chính là số ma tuý mà T4 mua với Đ1 vào khoảng tháng 4/2022 do T4 bán chưa hết. Khi lực lượng Công an tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T4 có thu giữ các gói ma tuý "đá", cũng là số ma tuý mà T4 mua với Đ1 vào khoảng tháng 4/2022 do T4 bán chưa hết. Sau đó lực lượng công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật (BL 997-1075).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành sao kê các tài khoản ngân hàng của các bị can:

- Tài khoản số 19034723220011 ngân hàng Thương mại cổ phần K1 (T7) chi nhánh L6 mang tên Nguyễn Doanh T4. Bị can khai nhận sử dụng tài khoản ngân hàng này để chuyển trả tiền mua mua tuý cho Đ1 từ đầu tháng 12/2021 đến tháng 05/2022 số tiền là 506.000.000 đồng (năm trăm linh sáu triệu đồng) là tiền mua ma tuý 04 lần đã trót lọt với Đ1. Trong giao dịch chuyển, nhận tiền của tài khoản T4 sử dụng thể hiện nội dung việc Nguyễn Doanh T4 chuyển tiền nhiều lần vào tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn Thị L có số 19034635932018. Tài liệu này phù hợp với lời khai của bị can T4 và L. Hiện nay trong tài khoản còn số dư 19.885.611 đồng (mười chín triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm mười một đồng), số tiền này do T4 bán lẻ ma tuý có được. Ngày 24/8/2022, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh phong toả số tiền trên đối với tài khoản mang tên Nguyễn Doanh T4 (BL 100-152).

- Tài khoản số 19034635932018 thuộc ngân hàng Thương mại cổ phần K1 (T7) mang tên Nguyễn Thị L, sao kê từ thời gian 06/8/2019 đến 04/5/2022, bị can L khai nhận T4 chuyển tiền vào tài khoản của L là tiền mua ma túy T4 trả cho Đ1, thể hiện rõ từ ngày 13/12/2021 đến 04/5/2022 số tiền là 506.000.000 đồng (năm trăm linh sáu triệu đồng). Tài liệu này phù hợp với lời khai của L và T4 (BL 153-223).

Đối với số tiền Nguyễn Doanh T4 được hưởng lợi trong việc Mua bán ma túy có được T4 đã sử dụng vào việc tiêu dùng hàng ngày của cá nhân, nay bị can không nhớ cụ thể số tiền được hưởng lợi là bao nhiêu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành cho các bị can Nguyễn Doanh T4, Nguyễn Thị L nhận dạng người qua ảnh của Nguyễn Điệp . Kết quả: L và T4 đều nhận ra Đ1 và khẳng định Đ1 chính là người bán ma túy cho T4 (BL 315-328).

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Nguyễn Doanh T4, Nguyễn Thị L khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của các bị can phù hợp với tài liệu đã thu thập được. Bị can Nguyễn Đ1 không thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, tuy nhiên căn cứ vào lời khai nhận của các bị can Nguyễn Doanh T4, Nguyễn Thị L, lời khai nhận của đối tượng Nguyễn Việt B, sao kê tài khoản Ngân hàng của Nguyễn Thị L và Nguyễn Doanh T4; lời khai của Nguyễn Thị L và Nguyễn Doanh T4 về việc bị can Nguyễn Đ1 sử dụng nick Zalo có tên là "Hoài Niệm" để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy có đủ căn cứ xác định bị can Nguyễn Đ1 là người đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Doanh T4.

2. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Trần Phan N:

Khoảng tháng 12/2022, Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 2001, trú tại xóm B, thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội nhận được thông tin chị gái ruột là Nguyễn Thị L bị Công an huyện Y, tỉnh Bắc Ninh bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy. Sau đó, Vân A có vào nhà tạm giữ Công an huyện Y, Bắc Ninh thăm gặp L. Trong quá trình nói chuyện, L đã gửi cho Vân A một tờ giấy có nội dung "nhờ anh T5 giúp chị", Vân A được biết T5 là bạn trai cũ của L (sau này Vân A được biết T5 có tên thật là Trần Phan N). Sau đó Vân A và Nguyễn Đ1 thông qua một người đàn ông tên Đặng Thế H3 là bạn xã hội của L để gặp N nói chuyện, Vân A và Nguyễn Đ1 đã đến chỗ ở của N tại chung cư S đường C, phường Y, quận H, Hà Nội để nhờ N giúp đỡ giảm nhẹ hình phạt thoát án tử hình cho L. Sau khi được Vân A và Đ1 đặt vấn đề trên thì N đồng ý nhận lời giúp đỡ. Bản thân N là người không có thẩm quyền, không có mối quan hệ quen biết ai, không thể lo "chạy" được án, không lo giảm nhẹ tội được cho L nhưng N vẫn nhận lời. Sau đó N bảo Vân A và Đ1 chuyển trước cho N số tiền 01 tỷ đồng để tìm hiểu về vụ án và liên hệ người giúp đỡ. Sau đó, Đ1 đã chuyển tiền vào tài khoản của Vân A 01 tỷ đồng, Vân A ra ngân hàng rút tiền và quay lại nhà N đưa cho N 01 tỷ đồng. Một thời gian sau, N thông báo cho Đ1 biết muốn lo được cho Liên thoát án tử hình thì phải mất số tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng), Đ1 đồng ý, đồng thời Đ1 nói với N hiện nay chưa có đủ số tiền 10 tỷ đồng và nói khi nào có tiền sẽ chuyển dần cho N, N đồng ý. Khoảng vài ngày sau Đ1 tiếp tục chuyển 01 tỷ đồng cho Vân A, sau đó Vân A ra ngân hàng rút tiền mặt và giao trực tiếp cho N 01 tỷ đồng tại quán C2 ở Chung cư V, sau đó bằng cách thức tương tự Vân A đã đưa tiền mặt cho Nam thêm 03 lần khác, mỗi lần đưa cho N 1 tỷ đồng. Ngoài ra, Vân A còn chuyển khoản số tiền 1.450.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 19031401804017 thuộc ngân hàng T7 mang tên Trần Phan N. Tổng số tiền N đã nhận với Vân A là 6.450.000.000 đồng (Sáu tỷ bốn

trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, N chỉ bỏ ra số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) để lo thủ tục mời luật sư cho L và lo chi phí để L sang tên đăng ký xe ô tô cho Vân A, đồng thời lo chi phí đi lại khi người trong gia đình thăm gặp L tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh Còn lại số tiền 6 tỷ đồng, N đã sử dụng đầu tư vào việc kinh doanh cá nhân. Ngày 05/02/2023, Nguyễn Đ1 bị Công an huyện H, tỉnh Thanh Hoá bắt về hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, sau đó Đ1 viết đơn tố giác tội phạm về việc N đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên, Công an tỉnh Thanh Hóa đã triệu tập N để làm rõ sự việc trên. Sau đó, N và Vân A thoả thuận N sẽ khắc phục lại số tiền 6 tỷ đồng cho Vân A. N đã chuyển vào tài khoản của Vân A và đưa tiền mặt cho Vân A tổng số tiền là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng), còn lại 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) Nam hứa sẽ trả trong tháng 4/2023.Ngoài ra, khoảng tháng 01/2023, Đ1 gọi điện thoại cho N để nhờ giúp xin trả tự do cho một người Trung Quốc là bạn của Đ1 phạm tội nhập cảnh trái phép đang bị đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế H5 - tỉnh Quảng Ninh tạm giữ, N đồng ý và được Đ1 chuyển cho số tiền 03 tỷ đồng. Sau đó N liên hệ với Phạm Hùng V, sinh năm 1986, nơi thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình để nhờ V xin giúp, nhưng V chỉ đồng ý giúp được việc mua đồ ăn uống và gửi điện thoại vào cho người Trung Quốc đang bị tạm giữ để người này liên lạc với gia đình, sau đó V đã nhờ công nhân đang thi công công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị km5 thuộc phường H, thành phố M để mua đồ ăn và điện thoại mang đến đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế H5 gửi cho người Trung Quốc. Khoảng một tuần sau thì người bạn Trung Quốc của Đ1 đã trốn được khỏi đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế H5, tỉnh Quảng Ninh. Đối với số tiền 03 tỷ nói trên là do Nguyễn Đ1 tự nguyện cho N số tiền trên để cảm ơn do N đã giúp đỡ Đ1 trong việc mua đồ ăn uống và gửi điện thoại vào cho người Trung Quốc là bạn của Đ1. Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được, ngày 05/4/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn (PC04) ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Phan N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định nhập vụ án hình sự Trần Phan N Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với vụ án Nguyễn Doanh T4 mua bán trái phép chất ma tuý để tiến hành điều tra. Tại cơ quan điều tra, Trần Phan N đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của Trần Phan N phù hợp với lời khai do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã thu thu thập được (BL 1092-1125).Tại Công văn số 309/PC09 ngày 19/7/2023 của Phòng C1 Công an tỉnh Lạng Sơn phúc đáp công văn số 1779/CSMT ngày 17/7/2023 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lạng Sơn về khối lượng trung bình của 01 bánh ma túy Heroine thì khối lượng trung bình của 01 bánh ma túy Heroine dao động trong khoảng 320 gam đến 380 gam; khối lượng của 01 chỉ chất ma túy Ketamine thì được tính là 01 gam; khối lượng của 01 viên ma túy tổng hợp MDMA trong khoảng 0,350 gam

đến 0,550 gam; khối lượng của 01 viên ma túy tổng hợp M trong khoảng 0,092gam đến 0,102 gam, do đó đó khối lượng trung bình của 01 túi 200 viên loại ma túy này có khối lượng dao động trong khoảng 18,40 gam - 20,40 gam (BL 91-92).Tại Cáo trạng số 123/CT-VKS-P2 ngày 17/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Doanh T4, Nguyễn Thị L, Nguyễn Đ1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Trần Phan N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:** Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251, Điều 50, Điều 58, Điều 40, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đ1;Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58, Điều 40, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị L;Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 274, 275, 288, 357, 468, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Phan N;Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đ1, Nguyễn Thị L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy;

1.2. Tuyên bố bị cáo Trần Phan N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Điệp tử H4. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng của Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HSST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo Nguyễn Đ1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Đ1 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L tử hình. Tổng hợp với hình phạt tù chung thân về tội Mua bán trái phép chất ma túy của Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo

Nguyễn Thị L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

2.3. Xử phạt bị cáo Trần Phan N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/4/2023 đến ngày 13/7/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần Phan N.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về hình phạt đối với bị cáo T4, xử lý vật chứng, bồi thường thiệt hại, các biện pháp tư pháp, phong tỏa tài sản, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/6/2024, bị cáo Nguyễn Thị L kháng cáo kêu oan.

Ngày 07/6/2024, bị cáo Nguyễn Đ1 kháng cáo kêu oan.

Ngày 07/6/024, bị cáo Trần Phan N kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị L; bị cáo Trần Phan N tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Bị cáo Nguyễn Đ1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan. Bị có xác định bị cáo không thừa nhận hành vi mua bán ma túy cùng với các bị cáo T4, bị cáo L. Bị cáo bị oan.

Người bào chữa cho bị cáo Đ1 trình bày: Cơ quan điều chưa làm rõ hành vi bị cáo Đ1 mua bán ma túy. Do đó, quy kết bị cáo là chưa có căn cứ vững chắc, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356; Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Phan N, Nguyễn Thị L; Không chấp nhận kháng cáo bị cáo Nguyễn Đ1; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người bào chữa phù hợp với quy định của pháp luật Tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Đ1 và Trần Phan N trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Đ1; xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo bị cáo Trần Phan N, thấy:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo L và bị cáo N xin rút yêu cầu kháng cáo, việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của các bị cáo.

[2.2] Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Đ1, thấy:

[2.2.1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đ1 không thừa nhận hành vi mua bán ma túy, bị cáo kêu oan.

Tại tòa các bị cáo L và N nhận tội và xin rút yêu cầu kháng cáo; các bị cáo đều khẳng định không có mâu thuẫn với nhau. Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Doanh T4, bị cáo Nguyễn Thị L trong giai đoạn đầu điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các Kết luận giám định, phù hợp với biên bản bắt người quả tang, các biên bản khám xét và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Từ cuối năm 2021, thông qua mối quan hệ xã hội Trần Đức Q1 đã giới thiệu Nguyễn Doanh T4 quen biết với Nguyễn Đ1, sau đó Nguyễn Doanh T4 và Nguyễn D2 đã trao đổi việc mua bán ma túy qua mạng xã hội Z, Nguyễn Doanh T4 sử dụng tài khoản trên số thuê bao 0814.403.161, với tài khoản "Không gì là không thể" còn Nguyễn Đ1 sử dụng sim rác với tài khoản Zalo có tên gọi là "H", cả hai đã thống nhất thỏa thuận Nguyễn Đ1 sẽ bán ma túy cho Nguyễn Doanh T4 với giá 4.000.000 đồng/200 viên ma túy ngựa (01 đàn ngựa), 200.000.000 đồng/ 01 kg ma túy đá, số ma túy sẽ được Nguyễn Đ1 gửi bằng xe khách từ Bắc Ninh lên Đồng Đăng, Cao L2 cho Nguyễn Đ1, sau khi bán hết sẽ chuyển tiền cho Nguyễn Đ1, với cách thức này Nguyễn Doanh T4 đã 05 lần mua ma túy với Nguyễn Đ1, 22.000 viên ma túy tổng hợp methamfetamine (110 đàn ngựa) và 01 kg ma túy methamfetamine (01 kg ma túy đá), qua giám định tại bản Kết luận giám định số 154/KL-KTHS ngày 10/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và Công văn số 309/PC09 ngày 19/7/2023 của Phòng C1 Công an tỉnh Lạng Sơn xác định số ma túy mà các bị cáo Nguyễn Doanh T4, Nguyễn Đ1, Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm là 3.208,713 gam Methamfetamine.

[2.3] Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Trần Phan N, thấy rằng: Bị cáo Trần Phan N đã dùng thủ đoạn gian dối tạo lòng tin đối với Nguyễn Đ1, Nguyễn Thị Vân A rằng bản thân bị cáo Trần Phan N có nhiều mối quan hệ với nhiều lãnh đạo lớn của các cơ quan trung ương có thể chạy án cho Nguyễn Thị L trong vụ án Mua bán trái phép chất ma túy do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh khởi tố, với thủ đoạn này Trần Phan N đã nhiều lần nhận tiền của Nguyễn Đ1 thông qua Nguyễn Thị Vân A, với tổng số tiền chiếm

đoạt là 6.000.000.000 đồng, sau đó tiêu xài vào mục đích cá nhân.

[2.4] Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đ1 và Nguyễn Thị L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 152 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Trần Phan N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người đúng tội, đúng quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Đ1 không được chấp nhận.

[2.5]. Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Đ1 và Nguyễn Thị L đã trực tiếp xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy và làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Đồng thời là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Bị cáo thực hiện phạm tội với vai trò đồng phạm, với lỗi cố ý, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm, nhằm mục đích vụ lợi, thể hiện sự coi thường pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Phan N là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội; gây hoang mang, lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi độc lập, không có đồng phạm; là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[2.5] Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, vai trò, vị trí của từng bị cáo trong vụ án cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Do đó, Tòa án sơ thẩm đã tuyên phạt các Nguyễn Đ1 và Nguyễn Thị L tử hình; bị cáo Trần Phan N 7 năm tù là có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đ1 không đưa ra được các chứng cứ mới để chứng minh bị cáo không thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, không có căn cứ để xem xét bị cáo không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy. Căn cứ Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đ1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Đ1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Phan N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L và Trần Phan N. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đ1; Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251, Điều 50, Điều 58, Điều 40, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đ1;

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58, Điều 40, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị L;

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 274, 275, 288, 357, 468, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Phan N;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1.1 Về tội danh:

1.1.1 Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đ1, Nguyễn Thị L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy;

1.2. 2 Tuyên bố bị cáo Trần Phan N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2.1 Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Điệp tử H4. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng của Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HSST ngày 03-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo Nguyễn Đ1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Đ1 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L tử hình. Tổng hợp với hình phạt tù chung thân về tội Mua bán trái phép chất ma túy của Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 04-7-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

- Xử phạt bị cáo Trần Phan N 07 (B1) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 08-4-2023 đến ngày 13-7-2023.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L, Trần Phan N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Đ1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận việc bị cáo Trần Phan N đã nộp phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0005999 ngày 17 tháng 10 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 10/12/2024, các bị cáo: Nguyễn Điệp, Nguyễn Thị L được gửi đơn xin ân giảm án tử hình đến Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TTG - Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua TTG, theo đ.);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà